TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST Ngày: 25-7-2019 V/v ly hôn giữa Võ Thị C và Nguyễn Ngọc L	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hải

Ông Lương Trường Khánh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 325/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Võ Thị C**, sinh năm 1991; cư trú tại: Số 292 ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: **Anh Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1985; cư trú tại: Số 693 ấp B, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

(Chị C có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị C trình bày:

Chị C và anh Nguyễn Ngọc L chung sống với nhau vào năm 2016, không có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06 tháng 9 năm 2017. Sau

khi cưới, chị C và anh L chung sống tại nhà anh L được một thời gian, do cha mẹ chị C bị bệnh nên vợ chồng về nhà chị C sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau nên gia đình không êm ấm. Dù chị C đã nhiều lần hòa giải, cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng anh L không thiết tha hàn gắn và anh L đã về gia đình mẹ ruột sinh sống từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Từ đó, chị C và anh L đã thật sự chấm dứt tình cảm vợ chồng và không còn qua lại hay liên lạc với nhau nữa. Nay chị C nhận thấy không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị C và anh L không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo pháp luật qui định nhưng anh L vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C. Vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị Võ Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Ngọc L.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị C và anh L là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị C và anh L đã ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L đến Tòa án để tham gia tố tụng trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của chị C nhưng anh L không đến cũng không có ý kiến, không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị C. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C. Về con chung chị C xác định không có nên không đề cập. Về tài sản chung, nợ chung: chị C không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Chị C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Võ Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L cư ngụ xã N, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị C và anh Nguyễn Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Vĩnh Ngãi, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2017 ngày 06 tháng 9 năm 2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh L, thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn có căn cứ xác định rằng, sau khi cưới, vợ chồng chị C anh L chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên gây gỗ khiến gia đình không đầm ấm. Anh L đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống hơn một năm nay. Chị C và anh L đã thật sự chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng và mặc ai nấy sống từ đó cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, anh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc chị C xin ly hôn nhưng anh L không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ với chị C. Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng của chị C và anh L tại địa phương, xác định được mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Điều đó, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh L đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh L là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị C trình bày không có nên không đề cập.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Thị C đối với anh Nguyễn Ngọc L. Cho chị Võ Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2017, đăng ký ngày 06 tháng 9 năm 2017 do Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Long An ký cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có nên không đề cập.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị C chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí do chị C đã nộp theo biên lai thu số 0002579 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hải – Lương Trường Khánh **Huỳnh Thị Phượng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND xã An Vĩnh Ngãi, tp T;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Phạm Văn Hải – Lương Trường Khánh

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Phượng